

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2024/DS-ST

Ngày: 28-6-2024

V/v tranh chấp hợp đồng

vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hiền

2. Ông Nguyễn Anh Tài

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Sương – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 358/2023/TLST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 224/2024/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 225/2024/QĐST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Trúc L, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Võ Thị Minh T1, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Ấp T2, xã T3, huyện M1, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Đoàn Văn V, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị Trúc P, sinh năm 1973; Cùng cư trú: Ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Trúc L, lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là bà Võ Thị Minh Tài trình bày:

Vào ngày 22/10/2019 bà Võ Thị Trúc L có cho vợ chồng ông Đoàn Văn V và bà Nguyễn Thị Trúc P vay số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng để xoay sở làm ăn, hai bên có làm Hợp đồng mượn tiền đề ngày 22/10/2019, ông V và bà P trực tiếp ký tên, thời hạn vay là 24 tháng, tính từ ngày 22/10/2019 đến ngày 21/10/2021, hợp đồng vay không có ghi tính lãi và lãi suất bao nhiêu nhưng thực tế hai bên có thoả thuận miệng tính lãi với mức lãi suất là 0.83%/tháng. Ông V, bà P đã nhận đủ số tiền 100.000.000 đồng và đóng lãi cho bà L được 07 tháng rồi ngưng không đóng nữa. Khi đến hạn trả tiền gốc ông V và bà P không trả được nợ.

Nay bà L khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Đoàn Văn V và bà Nguyễn Thị Trúc P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L số tiền vay gốc là 100.000.000 đồng, bà L không yêu cầu tính lãi.

Ngoài ra theo nội dung Hợp đồng mượn tiền ngày 22/10/2019, ông V và bà P có thoả thuận thế chấp cho bà L phần đất diện tích 400 m², trên đất có căn nhà tường cấp 4 của ông V và bà P, tọa lạc tại ấp Thanh Tây, xã Hương Mỹ, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Tuy nhiên phần đất này do ông V và bà P nhận chuyển nhượng nhưng chưa làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất nên bà L không yêu cầu Toà án giải quyết đối với tài sản thế chấp này. Đồng thời, bà L cũng không có yêu cầu gì liên quan đến bà Nguyễn Thị Hồng, sinh năm 1967, bà Đoàn Thị Quyến, sinh năm 1947, bà Đặng Thị Mai, sinh năm 1973; Cùng cư trú ấp Thanh Tây, xã Hương Mỹ, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn ông Đoàn Văn V và bà Nguyễn Thị Trúc P vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa nên không có lời trình bày, không gửi văn bản nêu ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Toà án xem xét.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu quan điểm như sau:

Các giai đoạn tố tụng của vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đúng quy định pháp luật. Đối với người tham gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Trúc L. Buộc bị đơn ông Đoàn Văn V và bà Nguyễn Thị Trúc P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Võ Thị Trúc L số tiền

vay gốc là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và chi phí tố tụng khác đương sự chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của người đại diện theo uỷ quyền của đương sự, kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Võ Thị Trúc L khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc bị đơn ông Đoàn Văn V và bà Nguyễn Thị Trúc P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền vay và tiền lãi (theo đơn khởi kiện ban đầu) nên xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà L cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm bởi việc vi phạm thoả thuận trả tiền theo hợp đồng của ông V và bà P nên bà L có quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 68 và Điều 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Ông V và bà P có nơi cư trú tại ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào quan hệ pháp luật tranh chấp và nơi cư trú của bị đơn xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Ông V và bà P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông V và bà P.

[5] Căn cứ đơn khởi kiện ngày 16/10/2023 của bà L, lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa của người đại diện theo uỷ quyền của bà L là bà Võ Thị Minh Tài thì bà L không yêu cầu Toà án giải quyết đối với thoả thuận thế chấp tài sản là phần đất có diện tích 400m² và căn nhà trên đất, tọa lạc tại ấp Thanh Tây, xã Hương Mỹ, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Đồng thời căn cứ Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự (Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện) số 01/2024/QĐST-DS ngày 28/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, Hội đồng xét xử xác định bà Nguyễn Thị Hồng, sinh năm 1967, bà Đoàn Thị Quyến, sinh năm 1947, bà Đặng Thị Mai, sinh năm

1973, cùng cư trú ấp Thạnh Tây, xã Hương Mỹ, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của bà L, Hội đồng xét xử nhận định:

Bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Đoàn Văn V và bà Nguyễn Thị Trúc P có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi. Tài liệu, chứng cứ của bà L đưa ra là Hợp đồng mượn tiền đề ngày 22/10/2019. Theo nội dung hợp đồng, bà L cho vợ chồng ông V và bà P vay số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, thời hạn vay là 24 tháng, tính từ ngày 22/10/2019 đến ngày 21/10/2021. Bà L xác định đã giao đủ tiền nhưng hết thời gian vay, ông V và bà P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo giao nộp chứng cứ và các văn bản tố tụng khác cho ông V và bà P nhưng ông bà không đến Tòa tham gia tố tụng, không gửi văn bản nêu ý kiến hay phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án xem xét. Đồng thời, phía nguyên đơn đã yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết ông Đoàn Văn V trong Hợp đồng mượn tiền ngày 22/10/2019 nêu trên. Tại Kết luận giám định số 339/2024/KL-KTHS ngày 07/5/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre kết luận chữ ký, chữ viết “Đoàn Văn V” tại cuối trang thứ nhất và dưới mục “Bên B” trong Hợp đồng mượn tiền ngày 22/10/2019 so với chữ ký, chữ viết của ông Đoàn Văn V trong mẫu so sánh (Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, số chứng thực 637, Quyền 01/2019-STC/CK,Đc ngày 10 tháng 9 năm 2019, được lưu tại Ủy ban nhân dân xã Hương Mỹ) là do cùng một người ký và viết ra.

Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định ông V và bà P có vay của bà L số tiền 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông V và bà P không chứng minh được đã trả cho bà L số tiền này nên nay bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông V, bà P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền 100.000.000 đồng là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà L không yêu cầu tính lãi là ý chí tự nguyện của bà nên ghi nhận.

[7] Xét về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà L được chấp nhận nên bà L không phải chịu án phí và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông V và bà P có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật.

[8] Xét về chi phí tố tụng khác: Chi phí giám định trong vụ án là 2.550.000 (hai triệu năm trăm năm mươi nghìn) đồng. Do kết luận giám định xác định đúng là chữ ký, chữ viết của ông Đoàn Văn V nên ông V và bà P có nghĩa vụ

liên đới chịu chi phí giám định này. Bà đã nộp tạm ứng xong nên buộc ông V và bà P có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà L số tiền 2.550.000 (hai triệu năm trăm năm mươi nghìn) đồng.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 và 37 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các điều 147, 161, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Trúc L.

Buộc bị đơn ông Đoàn Văn V và bà Nguyễn Thị Trúc P có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Võ Thị Trúc L số tiền vay gốc là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về chi phí tố tụng khác: Chi phí giám định là 2.550.000 (hai triệu năm trăm năm mươi nghìn) đồng do ông Đoàn Văn V và bà Nguyễn Thị Trúc P có nghĩa vụ liên đới chịu. Buộc ông V và bà P có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà L số tiền 2.550.000 (hai triệu năm trăm năm mươi nghìn) đồng nêu trên.

Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5.000.000 (năm triệu) đồng do ông Đoàn Văn V và bà Nguyễn Thị Trúc P có nghĩa vụ liên đới chịu.

Hoàn trả cho bà Võ Thị Trúc L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.427.000 (chín triệu bốn trăm hai mươi bảy nghìn) đồng theo biên lai thu số 0002212 ngày 24/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự (3b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng (3b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Đinh Thị Kim Ngân